

Bản án số 204/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị Q và anh Đ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Lưu Văn Đê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm X, xã Hải H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Có mặt

Bị đơn: Anh Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm X, xã Hải H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Bùi Đức Th, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm T, xã Hải H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Vũ Ngọc Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 08/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hải H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh Đ ở xã Hải H. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Ngoài ra, anh Đ tính tình gia trưởng, không tôn trọng và quan tâm, chia sẻ với chị. Đến đầu năm 2022, chị đã về nhà bố đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Vũ Thanh D, sinh ngày 21/11/2014 và Vũ Bảo M, sinh ngày 24/01/2018. Hiện nay cháu D đang ở cùng anh Đ, cháu M đang ở cùng chị Q. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về công việc, chị hiện làm công nhân tại Công ty giày da Vietpower có địa chỉ tại xã Hải Tân, có mức thu nhập trung bình từ 8.000.000đ/tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Q đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên đến nay chị xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có.

** Tại Bản tự khai ngày 14/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Ngọc Đ trình bày:*

Anh Đ xác nhận lời khai của chị Q về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống và thời gian sống ly thân như chị Q trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Đ là do chị Q đi làm công ty thường xuyên về muộn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn, anh Đ không đồng ý vì anh là người theo đạo công giáo, giáo lý không cho phép ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị Q trình bày. Hiện cháu D đang do anh Đ nuôi dưỡng; cháu M đang do chị Q nuôi dưỡng. Nếu chị Q nhất quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh nhận nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng. Hiện nay anh Đ đang làm cho công ty Cổ phần xây lắp điện Quý Tín ở tỉnh Hải Dương, thu nhập trung bình từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ một tháng nên anh có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Do tài sản là quyền sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh Đ không đề nghị phân chia tài sản chung. Sau này các con của anh lớn lên, anh sẽ tặng lại cho các con.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội Đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Q, cho ly hôn giữa chị Q và anh Đ. Về con chung: Giao cháu Vũ Thanh D cho anh Đ và giao cháu Vũ Bảo M cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất cho con. Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn anh Vũ Ngọc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng ông Bùi Đức Th và bà Phạm Thị N có ý kiến xin được vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ, ông Thuận, bà Nga là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Q và anh Vũ Ngọc Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2013. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh Đ thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh Đ xuất phát từ tính cách của hai người không hợp nhau, chị Q cho rằng anh Đ không tôn trọng và quan tâm, chia sẻ với chị Q trong cuộc sống nên hay xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Anh Đ lại cho rằng do Quyên đi làm Công ty thường xuyên về muộn không quan tâm đến gia đình, mặc dù có mâu thuẫn anh Đ không đồng ý ly hôn vì anh Đ theo đạo Công giáo. Như vậy, vợ chồng anh Đ, chị Q sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, nhưng cả hai không có biện pháp nào hàn gắn đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và

anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Q đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị Q và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thanh D, sinh ngày 21/11/2014 và Vũ Bảo M, sinh ngày 24/01/2018. Hiện cháu M đang ở với chị Q, còn cháu D đang ở với anh Đ. Khi ly hôn chị Q tiếp tục xin được nuôi dưỡng cháu M, còn anh Đ xin nuôi dưỡng hai con chung. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thoả thuận các bên tiếp tục nuôi dưỡng con chung như hiện nay, nhưng đến tháng 6/2029 thì thay đổi cháu D về ở với chị Q, còn cháu M về ở với anh Đ. Nhưng đến nay chị Q thay đổi xin được nuôi cháu M cho đến khi thành niên.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Q và anh Đ thì thấy: Hiện nay, cháu Vũ Bảo M đang do chị Q nuôi dưỡng; cháu Vũ Thanh D đang do anh Đ nuôi dưỡng. Xét thấy, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, cháu D có lời khai xin được ở với chị Q. Tuy nhiên, từ khi các bên nuôi dưỡng con chung từ đầu năm 2022 đến nay, các cháu sức khoẻ tốt, học tập bình thường. Hai bên đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do vậy, để bảo đảm sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên, không gây sáo trộn môi trường học tập, nơi ở cũng như tâm lý, thói quen sinh hoạt của các cháu nên cần tiếp tục giao cháu M cho chị Q, giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Q yêu cầu được phân chia tài sản chung của vợ chồng là thổ đất diện tích 150m², tại tờ bản đồ 27, số thửa tạm thời là 164 có vị trí tại xã Hải H. Nhưng do thửa đất có nguồn gốc chưa rõ ràng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị Q tự nguyện xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản. Tại buổi định giá tài sản ngày 19/7/2024, anh Đ cũng không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là phù hợp.

[6] *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Q, anh Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung giữa chị Trần Thị Q và anh Vũ Ngọc Đ.

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Q và anh Vũ Ngọc Đ.

3. Về con chung: Giao cháu Vũ Thanh D, sinh ngày 21/11/2014 cho anh Vũ Ngọc Đ; giao cháu Vũ Bảo M, sinh ngày 24/01/2018 cho chị Trần Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Q và anh Đ có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

Về nghĩa vụ bàn giao: Do cháu D đang ở với anh Đ, cháu M đang ở với chị Q nên hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho nhau nuôi dưỡng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Trần Thị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) tại biên lai số 0003091 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Hoàn lại cho chị Q 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đính

